

Số: 197/KH-UBND

Sóc Sơn, ngày 09 tháng 5 năm 2023

KẾ HOẠCH
Tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6
năm học 2023- 2024

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020; Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020; Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020;

Căn cứ công văn số 909/SGDĐT-QLT ngày 30/3/2023 của Sở GD&ĐT Hà Nội về việc hướng dẫn tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2023-2024;

UBND huyện Sóc Sơn xây dựng kế hoạch tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2023-2024, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức tuyển sinh đúng Quy chế, đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan, hướng dẫn tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng, công khai tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập trẻ mẫu giáo 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở.

2. Điều tra chính xác số trẻ ở từng độ tuổi trên địa bàn, phân tuyến và giao chỉ tiêu hợp lý, đảm bảo đủ chỗ học cho học sinh, tránh tình trạng quá tải ở các trường. Thực hiện công khai kế hoạch tuyển sinh, đảm bảo năm rõ: tuyến tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh, phương thức tuyển sinh và trách nhiệm trong công tác tuyển sinh.

3. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm: Tăng quy mô tuyển sinh, tăng chất lượng công tác tuyển sinh, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học, giảm số học sinh trái tuyến, giảm số học sinh/ lớp, tăng số học sinh được học 2 buổi/ ngày.

4. Các trường tuyệt đối không được vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

5. Cá nhân chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trước cấp trên trực tiếp, thủ trưởng đơn vị là người chịu trách nhiệm cuối cùng trong công tác tuyển sinh.

II. NỘI DUNG

1. Công tác tuyển sinh vào các trường mầm non

1.1. Các trường thông báo công khai chỉ tiêu tuyển sinh, tuyến tuyển sinh, thời gian tuyển sinh trẻ mầm non ở từng độ tuổi và tổ chức tiếp nhận trẻ em trong độ tuổi trên địa bàn dân cư theo quy định.

1.2. Các trường phối hợp với UBND xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền trên

địa bàn về công tác tuyển sinh trong đó nêu rõ: tuyển tuyển sinh, hình thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh ở từng độ tuổi để cha mẹ của trẻ hiểu rõ, tránh gây áp lực cho công tác tuyển sinh, đưa trẻ đến trường nhập học theo đúng độ tuổi và tuyển tuyển sinh quy định. Đảm bảo phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn.

1.3. Số trẻ trong một nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo thực hiện theo quy định Điều 15 Điều lệ trường Mầm non. Trường hợp số trẻ trên địa bàn đăng ký học vượt quá quy định tại điều 15 thì số trẻ trong mỗi nhóm, lớp có thể tăng thêm nhưng phải đảm bảo được tỷ lệ số giáo viên/trẻ/lớp theo quy định tại điều lệ và diện tích phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em đảm bảo theo quy định.

1.4. Hồ sơ tuyển sinh:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp; in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;

1.5. Các trường mầm non tuyệt đối không tổ chức dạy trước chương trình lớp 1 cho trẻ.

2. Công tác tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6

2.1. Địa bàn tuyển sinh: Theo tuyển tuyển sinh do UBND huyện quy định cho các trường.

2.2. Đối tượng tuyển sinh vào lớp 6: Những học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học.

2.3. Tuổi tuyển sinh:

a) Lớp 1: Tuổi của trẻ vào học lớp 1 là 6 tuổi (sinh năm 2017). Trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Tuyệt đối không được nhận trẻ thiếu tuổi vào lớp 1.

b) Lớp 6:

- Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi (sinh năm 2012);

- Những trường hợp đặc biệt: Những học sinh được học vượt lớp hoặc học sinh được vào học tiểu học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định ở tiểu học thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm hoàn thành chương trình tiểu học; Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 03 tuổi so với tuổi quy định.

2.4. Phương thức tuyển sinh:

Thực hiện phương thức xét tuyển theo tuyển tuyển sinh do UBND huyện quy định; Tiếp tục sử dụng phần mềm hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến trên toàn Thành phố.

2.5. Hồ sơ tuyển sinh:

a) Lớp 1:

- Phiếu đăng ký xét tuyển vào lớp 1 (theo mẫu) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;

- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

b) Lớp 6:

- Phiếu đăng ký xét tuyển vào lớp 6 (theo mẫu) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;

- Bản chính học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ.

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;

- Quyết định cho phép học vượt lớp (nếu có).

- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

2.6. Tuyển sinh vào các trường ngoài công lập:

- Không phân tuyển tuyển sinh đối với các trường ngoài công lập. Tùy thuộc vào điều kiện thực tiễn, nhà trường xây dựng phương thức tuyển sinh hợp lý theo quy định, báo cáo phòng GD&ĐT để trình UBND huyện phê duyệt.

- Căn cứ vào cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhà trường đề xuất phòng GD&ĐT tham mưu cho UBND huyện giao chỉ tiêu tuyển sinh cho trường.

- Các trường phải niêm yết công khai thủ tục nhập học, quyền và nghĩa vụ của học sinh, cha mẹ học sinh trước khi làm thủ tục nhập học cho học sinh. Các trường tuyệt đối không được tuyển sinh trước thời gian quy định của Sở GD&ĐT Hà Nội.

3. Thời gian tuyển sinh

3.1. Cấp Mã tuyển sinh¹ (kèm mật khẩu): Các trường MN, TH, THCS hoàn thành cấp mã số tuyển sinh (kèm mật khẩu) cho cha mẹ học sinh trước ngày 20/5/2023.

3.2. Thời gian tuyển sinh đối với các trường MN, TH, THCS tuyển sinh theo phân tuyển.

a) Tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến:

- Tuyển sinh vào lớp 1: Từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 03/7/2023;

- Tuyển sinh trẻ 5 tuổi vào trường mầm non: Từ ngày 04/7/2023 đến hết ngày 06/7/2023;

- Tuyển sinh vào lớp 6: Từ ngày 07/7/2023 đến hết ngày 09/7/2023;

b) Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp: Từ 13/7/2023 đến hết ngày 18/7/2023.

3.3. Lưu ý:

- Các trường ngoài công lập tuyển sinh ngay sau khi kết thúc năm học, cụ thể là bắt đầu từ ngày 26/5/2023 đến ngày 12/7/2023;

- Trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến: Cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh có thể đối chiếu hồ sơ tuyển sinh tại trường đăng ký tuyển sinh từ khi nhận được thông báo đăng ký tuyển sinh trực tuyến thành công đến 17h00 ngày 18/7/2023.

¹ Mã tuyển sinh là Mã học sinh trên cơ sở dữ liệu Ngành (hoặc Số định danh cá nhân của học sinh) kèm mật khẩu trên cơ sở dữ liệu Ngành.

- Sau ngày 18/7/2023: Những trường tuyển sinh chưa đủ chỉ tiêu được giao phải báo cáo phòng GD&ĐT; căn cứ vào tình hình cụ thể của từng trường, phòng GD&ĐT cho phép trường được tuyển sinh bổ sung học sinh cho đủ chỉ tiêu từ ngày 21/7/2023 đến ngày 22/7/2023. Riêng đối với các trường mầm non được tuyển sinh đến khi đủ chỉ tiêu được giao;

Trong thời gian tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh của các trường tập hợp danh sách (theo mẫu M02 CV 909/SGDDT-QLT ngày 30/3/2023 của Sở GD&ĐT Hà Nội) các học sinh dự tuyển năm học 2023-2024 cần phải xác minh thông tin cư trú, chủ động phối hợp với Công an cấp xã, thị trấn trên địa bàn để rà soát, xác thực (tuyệt đối không yêu cầu cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh đi xác minh), sau khi có kết quả xác minh của Công an cấp xã, thị trấn, đối với những trường hợp không hợp lệ, Hội đồng tuyển sinh của trường cần thông tin kịp thời cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh để cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh liên hệ, đăng ký dự tuyển tại trường phù hợp, đảm bảo đúng quy định.

- Các trường hoàn thành cập nhật danh sách học sinh trúng tuyển vào hệ thống sổ điểm điện tử chậm nhất ngày 23/7/2023.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Theo phụ lục đính kèm.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

1.1. Ban hành văn bản về công tác tuyển sinh vào các trường Mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2023- 2024.

1.2. Tham mưu cho UBND huyện phê duyệt kế hoạch, giao chỉ tiêu và phân tuyến tuyển sinh cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện và báo cáo Sở GD&ĐT Hà Nội, chỉ đạo công tác kiểm tra tuyển sinh.

1.3. Chỉ đạo và tổ chức việc phối hợp giữa UBND các xã, thị trấn với các trường trong công tác điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6; rà soát danh sách phường (xã), tổ (thôn), các khu dân cư, đô thị mới..... để đề nghị bổ sung, sửa đổi phục vụ phân tuyến tuyển sinh trên hệ thống phần mềm tuyển sinh; phân tuyến tuyển sinh hợp lý để huy động được số trẻ đến trường với tỷ lệ cao nhất, không để xảy ra hiện tượng quá tải ở các trường trên địa bàn. Số liệu điều tra về số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh của các trường trên địa bàn phải được UBND và Công an xã, thị trấn xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác, là cơ sở để phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu với UBND huyện công tác phân tuyến tuyển sinh.

1.4. Triển khai kế hoạch tuyển sinh, hướng dẫn công tác tuyển sinh cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS trên địa bàn.

1.5. Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của các trường Mầm non, Tiểu học, THCS trên địa bàn.

1.6. Công khai việc phân tuyến tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, các quy định về độ tuổi, hồ sơ tuyển sinh vào các trường Mầm non, Tiểu học, THCS trên cổng

thông tin điện tử của Ngành và phối hợp với UBND các xã, thị trấn, tuyên truyền, công khai trước khi bắt đầu tuyển sinh ít nhất 15 ngày để cha mẹ học sinh biết và chuẩn bị nộp hồ sơ nhập học cho học sinh tại các trường trên địa bàn.

1.7. Chỉ đạo các trường tổ chức tuyển sinh theo đúng kế hoạch và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, không tổ chức khảo sát học sinh đầu năm học, không tổ chức thi tuyển học sinh vào lớp 1; kiểm soát chặt chẽ chỉ tiêu tuyển sinh, hạn chế ở mức cao nhất việc tuyển sinh trái tuyển của các trường trên địa bàn, đặc biệt đối với các trường đã tuyển đủ chỉ tiêu được giao; đảm bảo số học sinh trên một lớp đúng quy định góp phần đẩy mạnh kế hoạch công nhận trường chuẩn quốc gia.

1.8. Tiếp tục nghiên cứu, phối hợp với các phòng, ban, ngành và tham mưu với UBND huyện về công tác luân chuyển cán bộ, giáo viên, xây dựng thêm trường và phòng học (*đối với những địa phương chưa đủ phòng học theo quy định*), tăng cường cơ sở vật chất cho những trường khó khăn để đảm bảo chất lượng, nâng cao độ đồng đều về chất lượng giáo dục giữa các trường. Phòng Giáo dục và Đào tạo phải có biện pháp kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh của các trường, không để xảy ra hiện tượng quá tải ở một số trường, đảm bảo khai thác hiệu quả cơ sở vật chất (*tránh tình trạng có trường tuyển sinh vượt quá nhiều so với chỉ tiêu, trong khi đó có trường không tuyển đủ chỉ tiêu gây lãng phí về cơ sở vật chất, đội ngũ, tạo bức xúc cho người dân và dư luận xã hội*).

1.9. Thành lập Tổ công tác chỉ đạo và hỗ trợ công tác tuyển sinh trực tuyến vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2023-2024 trên địa bàn. Tiếp tục có biện pháp chỉ đạo các trường nhằm tăng cường tỷ lệ tuyển sinh trực tuyến.

1.10. Tham mưu với UBND huyện chỉ đạo Công an trên địa bàn chủ động phối hợp với các trường trong công tác tuyển sinh; chủ động rà soát và hướng dẫn công dân thực hiện nghiêm túc quy định của Luật Cư trú nếu xác định công dân cư trú thực tế nhưng chưa làm thủ tục cư trú hoặc có thông tin thay đổi thông tin cá nhân nhưng chưa cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

1.11. Tổ chức chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tuyển sinh của các trường mầm non, tiểu học và THCS trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định về công tác tuyển sinh.

2. Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS

2.1. Chủ động phối hợp với UBND và Công an các xã, thị trấn trong công tác điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh trên địa bàn được phân công; chủ động xây dựng kế hoạch công tác tuyển sinh năm học 2023-2024 của trường, báo cáo phòng GD&ĐT đúng thời gian quy định. Tham gia đầy đủ Hội nghị về công tác tuyển sinh do Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT tổ chức hướng dẫn.

2.2. Thông báo công khai tại trường tuyển sinh do UBND huyện quy định; chỉ tiêu tuyển sinh và các quy định về độ tuổi, hồ sơ, thời gian tuyển sinh. Thực hiện nghiêm túc quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT về thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (*công khai về cam kết chất lượng Giáo dục và Đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính*).

2.3. Hướng dẫn cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh tự kê khai các thông tin phục vụ cho công tác tuyển sinh, trong đó có thông tin về cư trú của học sinh (*gồm số định danh cá nhân của học sinh, nơi thường trú, nơi ở hiện tại,...* theo mẫu M01 CV 909/SGDDT-QLT ngày 30/3/2023 của Sở GD&ĐT Hà Nội), không yêu cầu phải cung cấp Giấy xác nhận thông tin cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân của học sinh.

2.4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và hướng dẫn cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh về công tác tuyển sinh trực tuyến và sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID mức 2 để cung cấp thông tin về cư trú cho học sinh (*sử dụng VNeID của bố hoặc mẹ hoặc thành viên hộ gia đình có học sinh đăng ký tuyển sinh*).

2.5. Tổ chức cấp Mã tuyển sinh cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh, hướng dẫn cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh kiểm tra thông tin cá nhân, kết quả tuyển sinh của học sinh theo đúng quy định; đảm bảo bảo mật thông tin Mã tuyển sinh và mật khẩu; đảm bảo thông tin cá nhân và kết quả học tập, rèn luyện của học sinh phải chính xác và thống nhất giữa số điểm điện tử với hồ sơ học sinh; bố trí bộ phận thường trực hướng dẫn, giải đáp, hỗ trợ, xử lý những khó khăn của học sinh, cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh về Mã tuyển sinh và các nội dung khác về tuyển sinh theo quy định; tuyên truyền, hướng dẫn cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh các bước đăng ký, tra cứu kết quả tuyển sinh trực tuyến.

2.6. Chuẩn bị cơ sở vật chất; thành lập Tổ công tác hỗ trợ và triển khai tuyển sinh trực tuyến của trường.

2.7. Mỗi trường tham mưu đề xuất Hội đồng tuyển sinh trình cơ quan quản lý trực tiếp ra Quyết định thành lập; thành phần Hội đồng tuyển sinh gồm: Chủ tịch là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng, Phó Chủ tịch là Phó Hiệu trưởng, Thư ký và một số ủy viên. Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác tuyển sinh, đảm bảo chính xác, khách quan, công bằng, đúng chỉ tiêu được giao.

2.8. Tổ chức tuyển sinh:

a) Khi tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh của học sinh, cán bộ tuyển sinh phải kiểm tra kỹ hồ sơ, đặc biệt phải kiểm tra sự trùng khớp của các thông tin về cá nhân học sinh như: Họ tên, ngày sinh, nơi sinh, số định danh cá nhân... trong Giấy khai sinh, Học bạ (*đối với lớp 6*). Nếu thấy trùng khớp cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải ghi vào mặt sau của bản sao Giấy khai sinh: “Đã kiểm tra khớp thông tin học sinh với bản chính hồ sơ tuyển sinh” sau đó ký và ghi rõ họ tên, Hiệu trưởng (*Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh*) ký và đóng dấu xác nhận. Bản sao Giấy khai sinh có xác nhận này sẽ là căn cứ để ghi vào hồ sơ học tập, cấp văn bằng chứng chỉ cho học sinh sau này. Cán bộ tuyển sinh và Hiệu trưởng (*Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh*) nhà trường phải chịu trách nhiệm về việc kiểm tra và xác nhận trên.

b) Trong thời gian tuyển sinh các trường tuyệt đối không được thu hoặc vận động cha mẹ học sinh đóng góp các khoản ngoài quy định cho nhà trường.

c) Thực hiện nghiêm túc quy định, quy trình tuyển sinh và hạn chế ở mức cao nhất việc tuyển sinh trái tuyến, đặc biệt đối với các trường đã tuyển đủ chỉ tiêu được giao.

2.9. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh nhà trường phân công các thành viên trực trong thời gian tuyển sinh để hướng dẫn, giải quyết kịp thời các khó khăn thắc mắc, tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh.

2.10. Bảo mật thông tin cá nhân của các học sinh dự tuyển năm học 2023-2024 và thông tin các học sinh khác của nhà trường theo đúng quy định.

2.11. Kết thúc tuyển sinh các trường lập danh sách học sinh đã tuyển thông qua hệ thống hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến, gửi kết quả tuyển sinh cho UBND xã, thị trấn và báo cáo với phòng Giáo dục và Đào tạo.

3. Công an huyện

- Phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn đảm bảo an ninh trật tự phục vụ công tác tuyển sinh năm học 2023 - 2024 trên địa bàn .

- Chỉ đạo công an các xã, thị trấn phối hợp với các nhà trường trên địa bàn trong công tác điều tra số liệu phục vụ công tác tuyển sinh năm học 2023- 2024.

4. Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa Thông tin và thể thao Sóc Sơn

Phối hợp với phòng Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền Kế hoạch tuyển sinh vào các trường Mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2023-2024 trên địa bàn huyện.

5. UBND các xã, thị trấn

- Phối hợp, tổ chức lực lượng đảm bảo an ninh đảm bảo an toàn tuyệt đối phục vụ công tác tuyển sinh năm học 2023- 2024.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân nhận thức đúng về công tác tuyển sinh, đồng thời tham gia hỗ trợ công tác tuyển sinh trên địa bàn.

- Phối hợp với các trường xác nhận số liệu điều tra về số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh trên địa bàn.

6. Chế độ thông tin, báo cáo

Theo lịch công tác tuyển sinh gửi kèm.

Trên đây là Kế hoạch công tác tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 trên địa bàn huyện năm học 2023- 2024. UBND huyện Sóc Sơn yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ↳ Sở GDĐT Hà Nội; - Đ/c Chủ tịch UBND huyện; - Công an huyện; (để ph/ hợp) - Phòng VH TT; - Trung tâm VH TT-TT; - UBND các xã, thị trấn; - Các trường MN, TH, THCS; - Lưu: VT, GDĐT. | <p>(để báo cáo);</p> <p>(để th/ hiện);</p> |
|---|--|

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Việt Hùng

LỊCH CÔNG TÁC TUYỂN SINH VÀO CÁC TRƯỜNG MẦM NON, LỚP 1 VÀ LỚP 6

NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo Kế hoạch số: 197/KH-UBND ngày 09/5/2023 của UBND huyện Sóc Sơn)

Thời gian	Đơn vị thực hiện	Nội dung
Trước 26/4	Các trường MN, TH, THCS	-Rà soát, hoàn thiện thông tin học sinh phục vụ tuyển sinh trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành (Số định danh cá nhân của học sinh, họ tên, ngày sinh, nơi sinh, nơi cư trú...); -Hoàn thiện công tác điều tra cơ bản số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh.
Trước 28/4	Các trường MN, TH, THCS	-Nộp bản in biểu thống kê rà soát đối tượng theo mẫu trang tính,
Trước 10/5	Các trường MN, TH, THCS	Nộp Kế hoạch tuyển sinh năm học 2023- 2024 về theo cấp học của phòng GD&ĐT
Trước 10/5	Phòng GDDT	Nộp kế hoạch tuyển sinh của UBND huyện về Sở GD&ĐT Hà Nội
Trước 20/5	Các trường MN, TH	Hoàn thành cấp Mã tuyển sinh (Kèm mặt khẩu) cho cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ của học sinh
Chậm nhất 23/5	Phòng GD&ĐT	- Hoàn thành cấp nhật phân tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh của các trường trên địa bàn vào hệ thống tuyển sinh trực tuyến; tổ chức kiểm dò, in, ký xác nhận và nộp về Sở GD&ĐT. - Báo cáo về Sở GD&ĐT Kế hoạch TS của huyện.
Từ 26/5 đến 12/7	Các trường ngoài công lập	Tổ chức tuyển sinh, đồng thời cập nhật hồ sơ học sinh lên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến.
Từ 10/6- 12/6	Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT	Thử nghiệm tuyển sinh trực tuyến (lần 1).
Trước 15/6	Phòng GDDT	Hoàn thành cập nhật điều chỉnh phân tuyển, chỉ tiêu trong hệ thống tuyển sinh (nếu có).
Từ 16/6- 18/6	Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT; các trường MN, TH, THCS; cha mẹ HS	Thử nghiệm tuyển sinh trực tuyến toàn Thành phố (lần 2). Sở GD&ĐT đóng hệ thống tuyển sinh trực tuyến từ 19/6 đến 30/6 để chuẩn bị vận hành chính thức
Từ 01/7-09/7	Các trường MN, TH, THCS	Tuyển sinh trực tuyến đối với trường hợp tuyển sinh theo tuyến: - Tuyển sinh vào lớp 1: Từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 03/7/2023; - Tuyển sinh trẻ 5 tuổi vào trường mầm non: Từ ngày 04/7/2023 đến hết ngày 06/7/2023;

		- Tuyển sinh vào lớp 6: Từ ngày 07/7/2023 đến hết ngày 09/7/2023
Từ 13/7-18/7	Các trường MN, TH, THCS	Tuyển sinh trực tiếp vào trường mầm non, lớp 1, lớp 6 đối với trường hợp tuyển sinh theo tuyến
19/7	Các trường MN, TH, THCS	Phối hợp với CA xã, thị trấn trên địa bàn hoàn thành việc xác minh thông tin cư trú của học sinh cần xác minh. Báo cáo kết quả tuyển sinh về theo cấp học của phòng GDDT; đề xuất được tuyển bổ sung nếu còn chỉ tiêu.
20/7	Phòng GD&ĐT	Báo cáo nhanh Sở GD&ĐT kết quả tuyển sinh; đề xuất tuyển bổ sung cho các trường còn chỉ tiêu
Từ 21/7-22/7	Các trường MN, TH, THCS	Tuyển sinh trực tiếp vào trường mầm non, lớp 1, lớp 6 (đợt bổ sung – nếu có)
23/7	Các trường MN, TH, THCS	- Hoàn thành cập nhật dữ liệu tuyển sinh vào phần mềm số điểm diện tự;
31/7	Phòng GDDT	Nộp Báo cáo chính thức công tác tuyển sinh về Sở GDDT Hà Nội.

UBND HUYỆN SÓC SƠN
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Mẫu Phụ lục 1a)

GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH MẦM NON NĂM HỌC 2023-2024
(Kèm theo kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 09/ 5 /2023 của UBND huyện Sóc Sơn)

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn					Số HS hiện có trong trường của năm học 2022-2023					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2023-2024					Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (xã, phường,)
			Số HS trong độ tuổi nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng cộng	Số HS vào nhà trẻ	Số HS vào MG 3 tuổi	Số HS vào MG 4 tuổi	Số HS vào MG 5 tuổi	Tổng số chỉ tiêu tuyển mới	
1	2	3	4	5	6	7	8=4+5+6+7	9	10	11	12	13=9+10+11+12	14	15	16	17	18=14+15+16+17	19
Công lập	1	Mầm non Bắc Phú	104	230	254	189	777	58	150	173	187	568	55	100	80	6	241	Địa bàn xã Bắc Phú
	2	Mầm non Bắc Sơn A	145	213	191	198	747	69	160	194	187	610	54	98	50	0	202	Thôn: Châu, Tiên Chu, Lương Đình, Phúc Xuân, Đa Hội, Đô Lương - xã Bắc Sơn
	3	Mầm non Bắc Sơn B	124	128	179	114	545	42	119	114	149	424	52	65	54	0	171	Thôn Lai Sơn, Đô Tân, Nam Lý - xã Bắc Sơn
	4	Mầm non Đức Hòa	165	131	195	169	660	40	111	108	143	402	30	60	10	6	106	Địa bàn xã Đức Hòa
	5	Mầm non Đông Xuân	209	290	280	308	1087	65	151	219	243	678	60	90	65	5	220	Địa bàn xã Đông Xuân
	6	Mầm non Hiền Ninh	140	263	250	247	900	71	163	229	251	714	70	74	75	3	222	Địa bàn xã Hiền Ninh
	7	Mầm non Hồng Kỳ A	96	115	120	119	450	50	90	93	124	357	45	51	17	4	117	Xã Hồng Kỳ (Xóm Đồng Thố - Thôn 4; Thôn 5; Thôn 6; Thôn 7; Thôn 8; Thôn 9)
	8	Mầm non Hồng Kỳ B	71	87	106	82	346	47	77	63	84	271	40	40	15	2	97	Xã Hồng Kỳ (Thôn 1. Thôn 2, Thôn 3, Xóm Đình Buộm Thôn 4)
	9	Mầm non Nam Sơn	201	183	184	188	756	56	159	159	165	539	90	70	25	5	190	Địa bàn xã Nam Sơn
	10	Mầm non Liên Cơ	40	26	25	15	106	60	69	60	104	293	60	30	21	0	111	Tổ 4,5 Thị Trấn Sóc Sơn

11	Mầm non Kim Lũ	180	195	246	205	826	71	115	117	139	442	87	73	90	30	280	Xã Kim Lũ (Thôn Kim Thượng, Kim Trung, Kim Hạ, Xuân Dương)
12	Mầm non Mai Đình A	153	235	258	265	911	65	173	186	199	623	50	60	8	2	120	Thôn Hoàng Dương, Thôn Áp Cút, Thôn Lạc Nông, Thôn Đông Bài, Thôn Đặc Tài, Thôn Hương Đình, Thôn Thế Trạch, Thôn Song Mai, Thôn Mai Nội, Thôn Nội Phật - xã Mai Đình.
13	Mầm non Mai Đình B	100	107	145	143	495	58	75	75	75	283	36	20	15	5	76	Thôn Thái Phù, Thôn Đường 2 xã Mai Đình
14	Mầm non Minh Phú	140	236	275	230	881	62	177	184	224	647	75	93	80	4	252	Địa bàn xã Minh Phú
15	Mầm non Minh Trí A	102	124	145	151	522	53	95	139	163	450	45	48	50	12	155	Thôn Thắng Trí, Thắng Hữu, Chợ Hội, Vụ Bàn 1/3, Lập Trí 2/3
16	Mầm non Minh Trí B	60	88	98	105	351	43	74	105	118	340	40	45	24	0	109	Thôn Thái Lai, Minh Tân, Gò Gạo, Vụ Bàn 2/3, Lập Trí 1/3
17	Mầm non Phú Cường A	96	99	86	102	383	33	60	88	81	262	38	49	30	8	125	Xã Phú Cường (Thôn Thụy Hương, Khu TT Hàng Không, HS tạm trú tại xã Phú Cường)
18	Mầm non Phú Cường B	116	161	195	184	656	60	143	163	210	576	60	70	32	5	167	Xã Phú Cường (thôn Tân Phú và Thôn Hương Gia, học sinh tạm trú trên địa bàn xã)
19	Mầm non Phù Lỗ	169	268	330	356	1123	88	185	216	234	723	50	80	31	2	163	Địa bàn xã Phù Lỗ
20	Mầm non Phù Linh A	103	105	120	108	436	63	104	93	115	375	60	35	10	5	110	Thôn Vệ Linh, thôn Cộng Hòa xã Phù Linh
21	Mầm non Phù Linh B	133	78	65	80	356	51	74	68	59	252	32	25	3	0	60	Thôn Phù Mã, Xuân Đoài xã Phù Linh
22	Mầm non Phú Minh	294	193	223	206	916	92	175	169	171	607	120	50	3	0	173	Xã Phú Minh (Khu 1, khu 2, khu 3, thôn Đông, thôn Đoài, thôn Thắng lợi, Xóm Đồng Quốc, khu Tập thể Sân bay Nội Bài
23	Mầm non Quang Tiến	123	152	195	221	691	43	103	155	177	478	25	32	17	10	84	Địa bàn xã Quang Tiến
24	Mầm non Tân Dân	131	206	261	289	887	63	164	197	228	652	85	98	40	8	231	Địa bàn xã Tân Dân

	25	Mầm non Tân Hưng	172	219	252	217	860	44	177	196	241	658	50	114	70	0	234	Địa bàn xã Tân Hưng
	26	Mầm non Tân Minh A	145	150	208	165	668	40	125	136	151	452	75	85	71	10	241	Thôn Xuân Dục, Đan Tảo, xóm Đình thôn Sơn Đông xã Tân Minh
	27	Mầm non Tân Minh B	111	138	144	137	530	47	132	127	119	425	65	47	15	2	129	Thôn Sơn Đoài; thôn Sơn Đông gồm xóm Bãi Thuyền, Ấp Vương, Ấp chùa; thôn Xuân Đông; Khu 418 và Khu Thủy Lợi 2
	28	Mầm non Thị Trấn	117	51	67	64	299	96	133	130	148	507	77	63	8	0	148	Tổ 1, tổ 2, tổ 3
	29	Mầm non Tiên Dược A	114	99	136	107	456	40	116	94	109	359	27	48	34	0	109	Xóm 3,4 Thôn Lương Châu, Tổ 1,2 Thôn Miếu Thờ, Xóm 1,2,3,4,5,7, Xây Dựng, Đội xe, Bệnh Xá thôn Dược Thượng
	30	Mầm non Tiên Dược B	125	98	109	107	439	28	89	92	104	313	32	48	16	4	100	Xóm 1,2 Thôn Lương Châu, Tổ 2,3 Thôn Miếu Thờ, Thôn Đồng Lạc, Thôn Đồng Chằm
	31	Mầm non Tiên Dược C	192	108	115	127	544	77	108	127	128	440	64	50	24	0	138	Thôn Dược Hạ, Thôn Thanh Hà, Thôn Dược Thượng (xóm 6, khu trọng đài, khu đôi rada)
	32	Mầm non Thanh Xuân	450	282	276	295	1303	91	225	246	284	846	75	120	50	10	255	Xã Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội (Gồm 10 thôn: Chợ Nga, Đôi Cốc, Đồng Giá, Tổ dân cư Kim anh, Thôn Thạch Lỗi, Tổ dân cư Thạch Lỗi, Thanh Nhân, Thôn Trung, Thôn Na, Bái Thượng)
	33	Mầm non Trung Giã	201	263	304	257	1025	67	201	216	285	769	100	150	60	2	312	Địa bàn xã Trung Giã
	34	Mầm non Xuân Giang	170	190	235	180	775	51	150	160	194	555	50	100	30	10	190	Địa bàn xã Xuân Giang
	35	Mầm non Việt Long	117	126	203	169	615	35	153	151	156	495	60	80	35	3	178	Địa bàn xã Việt Long
	36	Mầm non Xuân Thu	148	184	220	218	770	45	83	138	135	401	40	60	60	10	170	Địa bàn xã Xuân Thu
Hiệp	37	Mầm non Hoa Sứ	43	19	23	18	103	71	104	104	123	402	50	50	6	0	106	Thôn 25 và 1 số xã lân cận (con công nhân nhà máy)
	38	Mầm non Hoa Phượng						52	54	46	38	190	25	20	5	0	50	Xã Đông xuân và các xã lân cận khác
	Tổng Công lập		5300	5840	6718	6335	24195	2187	4816	5330	6045	18378	2149	2491	1329	173	6142	

Ngoài CL	1	MNTT Sao Mai						52	35	36	27	150	29	6	11	0	46	Xã Mai Đình và các xã lân cận trong huyện, ngoài huyện
	2	MNTT Sơn Ca						66	50	50	47	213	48	6	10	2	66	Xã Phù Lỗ và các xã lân cận trong huyện.
	3	MNTT Capiole						29	21	18	14	82	20	20	20	5	65	Xã Tiên Dược và các vùng lân cận
	4	MNTT Việt Mỹ						14	15	5	10	44	20	15	15	2	52	Thị trấn Sóc sơn và các xã trong và ngoài huyện
	5	MNTT Hoa Anh Đào						15	27	17	19	78	15	10	10	3	38	Các xã Quang Tiến, Mai Đình
	6	MNTT An Khánh Family						19	15	4	5	43	40	20	5	1	66	Xã Hiền Ninh
	7	MNTT Wekids						38	31	24	22	115	30	10	10	5	55	Thị trấn Sóc sơn và các xã lân cận
	8	Nhóm lớp MNĐL						874	794	628	575	2871	360	280	210	15	865	
	Tổng Ngoài CL		0	0	0	0	0	1107	988	782	719	3596	562	367	291	33	1253	
	Tổng Quận, Huyện		5300	5840	6718	6335	24195	3294	5804	6112	6764	21974	2711	2858	1620	206	7395	

UBND HUYỆN SÓC SƠN
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Mẫu Phụ lục 1b)

GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH LỚP 1 NĂM HỌC 2023-2024
(Kèm theo kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 09/ 5 /2023 của UBND huyện Sóc Sơn)

Loại hình	TT	Tên trường	Số hs trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (xã, phường,)	Ghi chú	Số HS/Lớp
				Số lớp	Số HS			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Công lập	1	TH Bắc Sơn A	152	5	152	Tiên Chu, Lương Đình, Nam Lý, Châu, Lai Sơn.		30.4
	2	TH Bắc Sơn B	71	2	71	Đô Tân		35.5
	3	TH Bắc Sơn C	110	3	110	Da Hội, Phúc Xuân, Đô Lương		36.7
	4	TH Nam Sơn	161	5	161	Thôn Thanh Hà, Hoa Sơn, Liên Xuân, Xuân Bằng, Đông Hạ		32.2
	5	TH Hồng Kỳ	208	6	208	Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3, Thôn 4, Thôn 5, Thôn 6, Thôn 7, Thôn 8 Thôn 9		34.7
	6	TH Trung Giã A	156	5	156	Phố Ný, Xuân Sơn, Trung Kiên, Thôn Đo, Thống Nhất		31.2
	7	TH Trung Giã B	153	5	153	Bình An, Sông Công, Phong Mỹ, Hòa Bình, An lạc		30.6
	8	TH Tân Hưng	240	6	240	Đạo Thượng, Cốc Lương, Cẩm Hà, Hiệu Chân, Ngô Đạo.		40
	9	TH Bắc Phú	199	6	199	Yên Tàng, Phú Tàng, Xuân Tàng, Bắc Vọng		33.2
	10	TH Tân Minh A	158	5	158	Xóm Đình (Thôn Vệ Sơn Đông); Thôn Xuân Dục; Thôn Đan Tào		31.6
	11	TH Tân Minh B	126	4	126	Sơn Đoài, Sơn Đông (Xóm Bãi Thuyền, Ấp Vương, Ấp Chùa), Thủy Lợi 2, Xuân Đông, khu 418		31.5
	12	TH Phù Linh	160	5	160	Cộng Hòa, Phù Mã, Xuân Đoài, Vệ Linh.		32
	13	TH Thị Trấn	175	5	175	Tổ 1, Tổ 2, Tổ 3, Tổ 4, Tổ 5		35
	14	TH Tiên Dược A	250	7	250	Miêu Thờ, Lương Châu, Đông Lạc, Đông Châm, Dược Thượng (xóm 1, 2, 3, 4, 5, 7, khu tập thể: Bệnh Xá 371, khu Xây dựng 371, khu Xăng dầu 371).		35.7
	15	TH Tiên Dược B	160	4	160	Dược Hạ, Thanh Hà, Dược Thượng (Khu tượng đài, Đồi Zada, Đông Đoi), Tái định cư Tiên Dược - Mai Đình		40
	16	TH Đức Hòa	212	6	212	Thôn Thanh Huệ Trại, thôn Thanh Huệ Đình, Thôn Thượng, Thôn Chùa, Thôn Trung, Thôn Bến, Thôn Đức hậu		35.3
	17	TH Xuân Giang	214	6	214	Thôn: Ba Hàng, Đại Tào, Xuân Tào, Ngọc Hà, Lai Cách, Yên Sào		35.7
	18	TH Việt Long	179	5	179	Thôn Lương Phúc, thôn Tăng Long, thôn Tiên Tào, thôn Đông Ngàn		35.8
	19	TH Xuân Thu	134	5	134	Thôn Xuân Lai: 103; Thôn Thu Thủy: 22; Thôn Yên Phú: 9		26.8
	20	TH Kim Lũ	223	6	223	Kim Thượng; Kim Trung; Kim Hạ; Xuân Dương		37.2
	21	TH Đông Xuân	265	7	265	Thôn Bến, thôn Cả, thôn Chôi, thôn Đồng Dành, thôn Đông Thủy, thôn Phú Thọ, thôn Thượng, thôn Tuyền, thôn Yêm, thôn Z117. Xuân Kỳ Cả, Xuân Kỳ Trôi, Xuân Kỳ Bến		37.9

	22	TH Phù Lỗ A	210	6	210	Bắc Giã, Liên Lý, Đường 2, Tây Đoài.		35
	23	TH Phù Lỗ B	201	6	201	Đường 3; Tân Do - Xóm Chòm; Xóm Cầu; Xóm Đông; Xóm Đông; Xóm Làng; Xóm Đông Đoài; Xóm Trong - Ngoài; Xóm Sau, Phố Chợ.		33.5
	24	TH Phú Minh	265	6	265	Thôn Đông, Thôn Đoài, Thôn Thăng Lợi, Khu 2, Khu3, Tập thể sân bay Nội Bài, Thôn 25 (xã Mai Đình)		44.2
	25	TH Phú Cường	351	8	351	Thôn Hương Gia, Thôn Tân Phú, Thôn Thụy Hương, Thôn Hàng Không		43.9
	26	TH Thanh Xuân A	175	5	175	Thôn Trung, Thôn Na, Thanh Nhân, Chợ Nga, Bái Thượng, Kim Anh.		35
	27	TH Thanh Xuân B	138	4	138	Thôn: Thạch Lôi, Đồng Giá, Đồi Cốc		34.5
	28	TH Tân Dân A	155	5	155	Thôn An Trung, Thanh Vân, Điền Quy, Ninh Kiều, Môn Tự, Ninh Nội, Khu dân cư Xuân Hòa, Khu dân cư Z121		31
	29	TH Tân Dân B	143	4	143	Thôn : Ninh Cẩm, Quán Mỹ, Xuân Áp, Xuân Lễ, Xuân Long		35.8
	30	TH Minh Phú	277	7	277	Lâm Trường; Thanh Trí , Phú Cường, Phú Hạ, Phú Hữu, Phú Ninh, Phú Thịnh, Thanh Sơn.		39.6
	31	TH Minh Trí	271	7	271	Chợ Hội, Gò Gạo, Minh Tân, Thái Lai, Lập Trí, Thăng Hữu, Thăng Trí, Vụ Bản		38.7
	32	TH Hiền Ninh	239	7	239	Hiền Lương, Khu Chợ, Nam Cương, Tân Trung Chùa, Tân Thái, Ninh Môn, Yên Ninh, Tân An, Thái Đường		34.1
	33	TH Quang Tiến	224	6	224	Thôn Quảng Hội; thôn Đông Lai; thôn Xuân Bách;thôn Bắc Thượng; thôn Bắc Hạ; thôn Điền Xá		37.3
	34	TH Mai Đình A	107	3	107	Song Mai, Mai Nội, Thế Trạch, Nội Phật		35.7
	35	TH Mai Đình B	102	3	102	Thôn Thái Phù và thôn Đường 2		34
	36	TH Hương Đình	160	4	160	Hương Đình, Hoàng Dương, Đặc Tài, Lạc Nông, Áp Cút, Đông Bài		40
	37	TH Khuyết tật	30	1	30	Tuyển sinh trên toàn Huyện Sóc Sơn		30
	Tổng C.lập		6754	190	6754			35.5
Ngoài CL	1							#DIV/0!
	2							#DIV/0!
	3							#DIV/0!
	4							#DIV/0!
	5							#DIV/0!
	Tổng Ngoài CL			0	0			#DIV/0!
Tổng Quận, Huyện				190	6754			35.5

NGƯỜI LẬP BẢNG

Ngày tháng năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG

UBND HUYỆN SÓC SƠN
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH LỚP 6 NĂM HỌC 2023-2024
(Kèm theo kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 09/ 5 /2023 của UBND huyện Sóc Sơn)

(Mẫu Phụ lục 1c)

Loại hình	TT	Tên trường	Số hs trong độ tuổi TS qua điều tra trên	Chỉ tiêu		Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ...)	Ghi chú	Số HS/Lớp P
				Số lớp	Số HS			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Công lập	1	THCS Bắc Phú	284	7	284	Xã Bắc Phú		40.6
	2	THCS Bắc Sơn	404	9	404	Xã Bắc Sơn		44.9
	3	THCS Đông Xuân	391	8	385	Xã Đông Xuân		48.1
	4	THCS Đức Hòa	227	5	227	Xã Đức Hòa		45.4
	5	THCS Hiền Ninh	356	8	356	Xã Hiền Ninh		44.5
	6	THCS Hồng Kỳ	270	6	270	Xã Hồng Kỳ: thôn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8		45
	7	THCS Kim Lũ	330	8	330	Xã Kim Lũ		41.3
	8	THCS Mai Đình	476	9	396	Xã Mai Đình: Thôn Áp Cút, Thôn Hoàng Dương, Thôn Hương Đình, Thôn Lạc Nông, Thôn Mai Nội, Thôn Nội Phật, Thôn Song Mai, Thôn Thái Phù, Thôn Thế Trạch, Thôn Đặc Tài, Thôn Đông Bài.		44
	9	THCS Minh Phú	360	8	360	Xã Minh Phú		45
	10	THCS Minh Trí	370	9	370	Xã Minh Trí		41.1
	11	THCS Nam Sơn	260	6	260	Xã Nam Sơn		43.3
	12	THCS Nguyễn Du	594	13	580	Xã Phù Lỗ		44.6
	13	THCS Phú Cường	353	8	353	Xã Phú Cường		44.1
	14	THCS Phù Linh	340	6	260	Xã Phù Linh		43.3
	15	THCS Phú Minh	250	8	355	Xã Phú Minh, xã Mai Đình: Thôn 25		44.4
	16	THCS Quang Tiến	273	6	273	Xã Quang Tiến		45.5
	17	THCS Tân Dân	413	9	413	Xã Tân Dân		45.9
	18	THCS Tân Hưng	235	6	235	Xã Tân Hưng		39.2
	19	THCS Tân Minh A	165	4	165	Xã Tân Minh: Đan Tảo, Xuân Dục, Sơn Đông (Xóm Đình)		41.3
	20	THCS Tân Minh B	142	3	142	Xã Tân Minh: Xuân Đồng, Sơn Đoài, Sơn Đông, Khu 418, Thù Lợi 2, Thôn 9 (Hồng Kỳ)		47.3
	21	THCS Thanh Xuân	394	9	450	Xã Thanh Xuân		50
	22	THCS Thị Trấn	210	5	210	Thị Trấn		42
	23	THCS Tiên Dược	587	13	550	Xã Tiên Dược		42.3

	24	THCS Trung Giã	425	9	440	Xã Trung Giã		48.9
	25	THCS Việt Long	226	6	240	Xã Việt Long		40
	26	THCS Xuân Giang	283	7	283	Xã Xuân Giang		40.4
	27	THCS Xuân Thu	258	6	258	Xã Xuân Thu		43
	Tổng C.lập		8876	201	8849			44
Ngoài CL	1							#DIV/0!
	2							#DIV/0!
	Tổng Ngoài CL		0	0	0			#DIV/0!
Tổng Quận, Huyện			8876	201	8849			44